

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **64/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 -7- 2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân

2. Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 150/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị A, sinh năm 1993; nơi cư trú: số X, ấp T, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn B, sinh năm 1981; nơi cư trú: số X, ấp T, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị A và anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

Chị và anh Võ Văn B cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Sau khi cưới anh B thì cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc cho đến tháng 8/2021 thì mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều, vợ chồng thường hay cự cãi lẫn nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 08/2021 cho đến nay. Nay chị xác định đã không còn tình

cảm với anh B nên yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Văn B. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Đông C, sinh ngày 13/5/2014 và Võ Minh D, sinh ngày 23/4/2018, hiện nay 02 con đang sống chung với anh B. Sau khi ly hôn chị A đồng ý để anh B tiếp tục nuôi 02 con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh B mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn B trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh B đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Chị A có yêu cầu ly hôn, anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án thể hiện anh B không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Về con chung: có 02 con chung tên Võ Đông C, sinh ngày 13/5/2014 và Võ Minh D, sinh ngày 23/4/2018; cháu C và cháu D đang sống với anh B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy; ghi nhận chị A đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh B mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung, chị A khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Aên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A có đơn khởi kiện anh B tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để giải quyết về việc xin ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Võ Văn B có nơi cư trú tại ấp Tân Tây, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chị A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Anh Võ Văn B được Tòa án triệu tập lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh B vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống với nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2013 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị A và anh B lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị A trình bày là do hai vợ chồng thường xuyên bất hòa cự cãi lẫn nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống, cho nên tháng 8/2021 chị A sống ly thân với anh B cho đến ngày hôm nay. Nay chị A yêu cầu xin được ly hôn với anh B.

Qua quá trình xác minh thể hiện giữa hai vợ chồng chị A và anh B có xảy ra mâu thuẫn là đúng và hiện nay chị A và anh B đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian sống ly thân thì chị A và anh B cũng không còn liên lạc qua lại để hàn gắn tình cảm, việc anh B vắng mặt nhiều lần khi Tòa án triệu tập thể hiện anh B cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị A và anh B đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân của chị A và anh B không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Võ Đông C, sinh ngày 13/5/2014 và Võ Minh D, sinh ngày 23/4/2018. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của con chung. Hiện nay, anh B đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Các cháu được tạo điều kiện học hành, phát triển bình thường. Để tạo sự phát triển ổn định cho các cháu, đồng thời xét thấy anh B cũng có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung. Chị A cũng đồng ý việc giao 02 con chung cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Vy cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha là anh B, đây là ý chí tự nguyện của cháu phù hợp với quy định của pháp luật nên giao cháu C và cháu D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị A đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh B mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi nên được ghi nhận.

Vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xét đến; nợ chung: chị A khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 25, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị A đối với anh Võ Văn B.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị A ly hôn với anh Võ Văn B.

Ghi nhận chị A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là Võ Đông C, sinh ngày 13/5/2014 và Võ Minh D, sinh ngày 23/4/2018 cho anh Võ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng; chị Phan Thị A cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh B mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu C và cháu D đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, cha mẹ có thể thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: tự thoả thuận nên không xét đến; nợ chung: chị A khai không có, nên Tòa án không xét đến.

2. Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010931 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị A còn phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, CT, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Trần Phương Thảo